

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo
trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 và Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định (trước đây) giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 549/TTr-SNNMT ngày 30/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai.

2. Chủ trì dự án liên kết: Công ty TNHH đầu tư và phát triển nông nghiệp An Lão.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Tứ.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4101639417, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (trước đây) cấp ngày 26/3/2024.
- Địa chỉ: Số 07 Bùi Thị Xuân, xã An Lão, tỉnh Gia Lai.
- Tài khoản ngân hàng: 0587588887 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, nay là Phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai (Sacombank).

3. Các bên tham gia liên kết

3.1. Đơn vị tham gia liên kết (bên tiêu thụ): Công ty TNHH đầu tư và phát triển nông nghiệp An Lão

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Tứ.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 07 Bùi Thị Xuân, xã An Lão, tỉnh Gia Lai.

3.2. Đơn vị tham gia liên kết (bên tiêu thụ): Hợp tác xã nông nghiệp sạch Sơn Hà

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình Nghĩa.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Địa chỉ: xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Số lượng hộ tham gia liên kết: 45 hộ dân (gồm 05 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo, 30 hộ mới thoát nghèo) trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai.

(Kèm theo Phụ lục I - Danh sách hộ tham gia Dự án)

5. Loại sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: Bò thịt vỗ béo.

6. Quy mô, hình thức liên kết:

- Quy mô liên kết: chăn nuôi nông hộ, mỗi hộ 02 con, tổng đàn 90 con.
- Hình thức liên kết: Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

7. Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai.

8. Thời gian triển khai thực hiện: 04 tháng, kể từ ngày dự án được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt.

9. Cơ quan quản lý dự án: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án: UBND xã Vĩnh Sơn.

11. Mục tiêu dự án

11.1. Mục tiêu chung

Dự án chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, nhằm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn xã nâng cao kiến thức kỹ thuật vỗ béo bò thịt, tạo việc làm, có sinh kế ổn định, tăng thu nhập cho các hộ dân và vươn lên thoát nghèo bền vững. Dự án hướng tới việc chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung, tận dụng tiềm năng đất đai, lợi thế đồng cỏ, phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp để liên kết sản xuất bò thịt vỗ béo và tiêu thụ đảm bảo nguồn cung cấp bò thịt ổn định cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

11.2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ cho 45 hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo của xã Vĩnh Sơn tham gia dự án có việc làm, có điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua việc nhà nước hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu phục vụ chăn nuôi bò thịt vỗ béo và đơn vị chủ trì dự án liên kết hỗ trợ kỹ thuật vỗ béo bò thịt, chịu trách nhiệm thu mua bò thịt do các hộ gia đình sản xuất ra. Kết thúc dự án 100% các hộ gia đình tham gia dự án liên kết thoát nghèo bền vững.

- Tạo việc làm cho 45 hộ gia đình, mỗi gia đình ít nhất 01 lao động được đào tạo nghề chăn nuôi bò thịt vỗ béo, tạo nguồn thu nhập cho hộ tham gia dự án liên kết sau khi xuất bán bò trên 54,4 triệu đồng/hộ.

- Hình thành, hướng đến phát triển chăn nuôi bò thịt vỗ béo theo chuỗi giá trị sản phẩm, tạo vùng nuôi bò thịt chất lượng, đảm bảo đầu ra được bao tiêu ổn định về giá cả, nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả đồng cỏ, nguồn nguyên liệu thức ăn xanh, phụ phẩm nông nghiệp sẵn có, góp phần phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

12. Tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn

12.1. Tổng kinh phí thực hiện: 2.880.729.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm tám mươi triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng), bao gồm:

- Nhà nước hỗ trợ: 2.290.929.000 đồng.
- Đối ứng của hộ dân: 576.000.000 đồng.
- Đối ứng của Công ty TNHH đầu tư và phát triển nông nghiệp An Lão: 13.800.000 đồng.

12.2. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

Từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

13. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

13.1 Nội dung và mức hỗ trợ

Tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ: 2.290.929.000 đồng. Trong đó:

- a) Hỗ trợ chi phí giống vật nuôi, thức ăn, thuốc thú y: 2.170.800.000 đồng, cụ thể:
 - Bò giống: 1.800.000.000 đồng.

- Vật tư thiết yếu (thuốc thú y, thức ăn): 370.800.000 đồng.
- Thời gian thực hiện: Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tháng 11/2025.

b) Hỗ trợ tập huấn: 12.100.000 đồng, cụ thể:

- Nội dung tập huấn: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn, hướng dẫn về quản lý bò đưa vào vỗ béo, quy trình kỹ thuật hướng dẫn chăn nuôi, chăm sóc bò vỗ béo; chuẩn bị chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi. Mỗi hộ cử 01 người tham gia tập huấn.

- Số lượng: 01 lớp (01 đợt tập huấn).
- Đối tượng, số lượng tham gia: cho 45 hộ dân tham gia Dự án liên kết.
- Thời gian thực hiện: Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tháng 11/2025.

c) Hỗ trợ chi phí xây dựng và quản lý dự án: 108.029.000 đồng

- Nội dung: Theo quy định tại điểm a, khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thời gian thực hiện: 04 tháng (01 tháng chuẩn bị dự án và 03 tháng vỗ béo bò thịt), từ tháng 11/2025.

(Kèm theo Phụ lục II - Dự toán kinh phí thực hiện Dự án)

13.2 Định mức chi

Thực hiện theo Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 và Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

14. Phương thức mua sắm và đầu mối thực hiện phương thức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Giao chủ trì liên kết thực hiện việc tự mua sắm theo dự toán kinh phí được phê duyệt tại Quyết định này và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 và Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

15. Phương án tài chính xử lý các rủi ro: Cơ quan quản lý dự án, cơ quan chủ trì thực hiện dự án, đơn vị Chủ trì liên kết, đơn vị tham gia liên kết và các hộ

nông dân tham gia dự án mời các cơ quan liên quan lập biên bản xác định mức độ thiệt hại đề xuất giải pháp xử lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn UBND xã Vĩnh Sơn, đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án cuối năm (trước 25/12) và sau khi dự án kết thúc; kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh là thành viên Hội đồng thẩm định tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án trên địa bàn xã Vĩnh Sơn.

2. Các Sở, ngành của tỉnh

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh là thành viên Hội đồng thẩm định phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Vĩnh Sơn kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án liên kết đảm bảo đạt các mục tiêu dự án được phê duyệt.

- Phối hợp đề xuất UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để kịp thời tháo gỡ cho các bên tham gia liên kết.

3. UBND xã Vĩnh Sơn

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND xã Vĩnh Sơn thực hiện ký kết Hợp đồng với chủ trì liên kết, giao chủ trì liên kết thực hiện dự án trên địa bàn, tự mua sắm giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và một số nội dung khác theo đề xuất của chủ trì liên kết.

- Giao phòng chuyên môn thuộc UBND xã phối hợp với Chủ trì dự án tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả dự án; báo cáo kết quả thực hiện dự án cuối năm (trước 20/12) và sau khi dự án kết thúc; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

- Kiểm tra, giám sát và nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để các cấp, các ngành kịp thời đề xuất, tháo gỡ. Phối hợp với chủ trì liên kết thực hiện chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các hộ dân tự ý mua, bán, trao đổi bò giống được cấp và các trường hợp rủi ro khi bò ốm đau, dịch bệnh.

4. Công ty TNHH đầu tư và phát triển nông nghiệp An Lão

- Tuân thủ thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo bản thỏa thuận của các bên tham gia liên kết; thực hiện kinh phí đối ứng các nội dung hỗ trợ, đảm bảo tiến độ và thời gian hoàn thành của dự án; sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo quyết định được phê duyệt dự án; chấp hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước khi không thực hiện đầy đủ các nội dung, tiến độ theo cam kết của dự án liên kết được phê duyệt; định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án. Tổng hợp các vấn đề phát sinh, vướng mắc không giải quyết được báo cáo UBND xã Vĩnh Sơn để hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

5. Hợp tác xã nông nghiệp sạch Sơn Hà

- Tuân thủ thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo bản thỏa thuận của các bên tham gia liên kết; đảm bảo việc tiêu thụ sản phẩm sau khi kết thúc dự án đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp đơn vị Chủ trì liên kết tổng hợp các vấn đề phát sinh, vướng mắc không giải quyết được báo cáo UBND xã Vĩnh Sơn để hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

Điều 3. Nguồn kinh phí Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

1. Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí (nguồn ngân sách trung ương năm 2025) đã giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh để thực hiện Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo số tiền là 2.290.929.000 đồng.

2. Bổ sung dự toán kinh phí (nguồn ngân sách trung ương năm 2025) cho UBND xã Vĩnh Sơn để thực hiện Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo trên địa bàn xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai với số tiền là 2.290.929.000 đồng.

(Kèm theo Phụ lục III - Điều chỉnh dự toán thực hiện Dự án)

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Dân tộc và Tôn giáo; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Sơn; Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và phát triển nông nghiệp An Lão; Hợp tác xã nông nghiệp sạch Sơn Hà; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ nông dân tham gia liên kết chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các TV HDTĐ;
- Lưu: VT, C4, N2.

gls

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

Dương Mah Tiệp

Phụ lục I
DANH SÁCH HỘ DÂN THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT CHĂN NUÔI VÀ
TIÊU THỤ BÒ THỊT VỎ BÉO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VĨNH SƠN, TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	CCCD	Địa chỉ (thôn – xã)	Đối tượng
1	Đinh Thị Hàng	052187073200	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
2	Đinh Chiêng	052089016468	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
3	Đinh Beng	052081009851	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
4	Đinh Văn Tuấn	052078003656	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
5	Đinh HVư	052082018743	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
6	Đinh Văn Rưa	052077013450	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
7	Đinh Khum	052082009675	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
8	Đinh Thị Huân	052173012452	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
9	Đinh Tơn	052077020159	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
10	Đinh Tơ	052078018000	Thôn O5 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
11	Cao Thị Thanh Hóa	052306004334	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ nghèo
12	Đinh Dung	052086002759	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
13	Đinh Đóch	064079011651	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ cận nghèo
14	Đinh Văn Bớt	052067052281	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
15	Đinh Hram	052064013452	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
16	Đinh Men	052060011724	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
17	Đinh Văn Dót	052050007405	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
18	Đinh Lớ	052073019930	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
19	Đinh Thị Lách	05219018642	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
20	Đinh Thị Thóek	052186003198	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ nghèo
21	Đinh Thị Kơ	052173009151	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo

22	Đinh My	052096001452	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ nghèo
23	Đinh Xonh	052089005895	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ nghèo
24	Đinh Đăng	052085003301	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
25	Đinh Thị AYể	052161008222	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
26	Đinh Hợp	052099013285	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
27	Đinh Khương	052046002784	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
28	Đinh Văn Khoe	052092010905	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
29	Đinh Văn Lót	052075007942	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
30	Đinh Thị Loang	052193021311	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ nghèo
31	Đinh Văn Nhựt	058071003710	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
32	Lê Văn Thành	052065010487	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
33	Đinh Xé	052036002757	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
34	Đinh Lương	052077020825	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
35	Đinh Văn Lúc	052088015312	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ cận nghèo
36	Đinh Khoay	052081011745	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
37	Đinh Nghi	052081013787	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
38	Định Văn Nghịch	052058008270	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
39	Đinh Nha	052076011392	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
40	Đinh Den	052076005611	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
41	Đinh HNhời	052193021311	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
42	Đinh Thị Thuých	052089005895	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ cận nghèo
43	Đinh Lâm	052085007451	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
44	Đinh Bia	052068011426	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ mới thoát nghèo
45	Đinh Thị Bươn	052175009857	Thôn K6 - xã Vĩnh Sơn	Hộ cận nghèo
	Tổng cộng	45 hộ		

Phụ lục II
TỔNG HỢP NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT CHĂN NUÔI
VÀ TIÊU THỤ BÒ THỊT VỎ BÉO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VĨNH SƠN, TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/ 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Kinh phí đối ứng	
				<i>Hộ dân tham gia dự án</i>	<i>Công ty TNHH ĐT&PT nông nghiệp An Lão</i>
	Tổng kinh phí	2.880.729.000	2.290.929.000	576.000.000	13.800.000
	Tỷ lệ thành phần (%)	100	79,53	19,99	0,48
1	Giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn	2.454.300.000	2.170.800.000	283.500.000	
1.1	Bò giống (01 hộ hỗ trợ 02 con x 45 hộ)	1.800.000.000	1.800.000.000		
1.2	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	6.300.000	6.300.000		
1.3	Thức ăn hỗn hợp	364.500.000	364.500.000		
1.4	Thức ăn thô (cỏ tươi, rơm khô, cây ngô,...)	243.000.000		243.000.000	
1.5	Thức ăn tinh (cám gạo, bột ngô, sắn,...)	40.500.000		40.500.000	
2	Sửa chữa chuồng trại và công chăn nuôi của hộ tham gia dự án	292.500.000		292.500.000	
3	Tập huấn kỹ thuật (01 đợt x 01 lớp)	12.100.000	12.100.000		
4	Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, trực tiếp theo dõi dự án	13.800.000			13.800.000
5	Chi phí quản lý, xây dựng dự án	108.029.000	108.029.000		

5.1	Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án	21.375.000	21.375.000		
5.2	Chi phí tổ chức thẩm định thực tế của Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng thẩm định	18.140.000	18.140.000		
5.3	Chi phí họp Hội đồng thẩm định dự án	16.810.000	16.810.000		
5.4	Chi Hội nghị triển khai	11.950.000	11.950.000		
5.5	Chi Hội nghị tổng kết	11.950.000	11.950.000		
5.6	Chi phí khác	27.804.000	27.804.000		